

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 95/2024/HS-ST
Ngày: 23- 4 -2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Xuyên;

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch tiến hành xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo: **Nguyễn Thành B**; Giới tính: N; Sinh năm 1994 tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký thường trú (chỗ ở): Thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn T và con bà Nguyễn Thị T1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992. Nơi đăng ký thường trú: A H, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964. Nơi đăng ký thường trú: A H, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh **Lê Đình Đ1**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành B là nhân viên giữ xe của cơ sở kinh doanh massage A, thuộc khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do chị Nguyễn Thị H làm chủ. Đầu tháng 4/2023 cơ sở kinh doanh của chị H bị kiểm tra bắt giữ trong vụ việc môi giới mại dâm, do không còn người trông coi cơ sở kinh doanh nên B có ý định lấy tài sản tại cơ sở kinh doanh của chị H bán lấy tiền tiêu xài. B lên mạng xã hội tìm thấy anh Nguyễn L, sinh năm 1990 tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, làm nghề buôn bán, sửa chữa máy lạnh nên B liên hệ với anh L để bán máy lạnh cho anh L. Ngày 06/4/2023 B gọi anh L đến tiệm kinh doanh massage A và bán cho anh L 03 cái máy lạnh với giá 3.000.000 đồng, đến ngày 10/4/2023 B tiếp tục gọi cho anh L để bán thêm 04 cái máy lạnh với giá 4.000.000 đồng. Trong lúc dọn dẹp đồ cá nhân B nhìn thấy điện thoại di động Iphone 7 của chị H ở giường ngủ của nhân viên phía sau, B lấy đem bán cho tiệm điện thoại tại thị trấn H, huyện N với giá 1.500.000 đồng. Số tiền trên Bảo tiêu xài hết và bỏ trốn.

Ngày 10/4/2023, chị H phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an thị trấn H trình báo sự việc. Công an thị trấn H lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 09/01/2024, B bị bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trưng cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 91/KLĐG-HĐĐG ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận:

- 07 dàn máy lạnh (gồm: 03 dàn hiệu Aqua; 02 hiệu Daikin; 01 hiệu LG; 01 hiệu không rõ nhãn hiệu). Giá trị sử dụng còn lại là 87,5%; giá trị tài sản định giá là 21.866.250 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 7. Giá trị sử dụng còn lại là 40%; giá trị tài sản định giá là 1.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản được định giá là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ trị giá tài sản bị trộm cắp là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT- VKSNT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố bị cáo Nguyễn Thành B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B từ 14 tháng đến 16 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành B bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại theo quy định pháp luật. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt), tuy nhiên lời khai của những người này đã có trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thành B tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06/4/2023, tại Cơ sở kinh doanh M, thuộc khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, B đã có hành vi lén lút với chủ sở hữu là chị H để bán 07 dàn máy lạnh và 01 điện thoại Iphone 7, tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Đến ngày 09/01/2024 B bị bắt giữ. Bị cáo Nguyễn Thành B phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của bị hại với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, cố gắng thực hiện hành vi phạm tội tới cùng qua đó cho thấy bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, để ngăn chặn đầy lùi hành vi nguy hiểm này, cần phải có mức án thật

ng nghiêm khắc áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thành B bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để trong môi trường giam giữ có kỷ luật sẽ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, biết sống tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời cũng đủ để răn đe, cảnh tỉnh cho những ai bất chấp pháp luật, bất chấp thành quả lao động của người khác, thì sẽ bị trừng trị.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ trị giá tài sản bị trộm cắp là: 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Xét đây là tài sản hợp pháp của chị H đã bị Nguyễn Thành B chiếm đoạt trái pháp luật, hiện tài sản không thu hồi được. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành B đồng ý bồi thường cho bị hại trị giá tài sản là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải bồi thường trị giá tài sản cho chị H là 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng

[7] Về biện pháp tư pháp: Cần buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng để sung vào công quỹ Nhà nước; Xử lý vật chứng khác: không có.

[8] Về tội danh, điều luật của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc.

[9] Xét ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo: Xét ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như về hình phạt, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.163.000 (Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội.

[11] Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B **01 (một) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09/01/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ các Điều 280, 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 23.266.250 (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.163.000 (Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Thành B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đại